CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Tập đoàn BGI

Ngày 31/03/2025	10,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-2.9%	**-**	**9.8%**

DT thuần
Q1/25
51.1
tỷ VNĐ
QoQ: ▼57.9| -53.1%
YoY: ▼1.80| -3.3%

LN thuần
Q1/25
3.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.23| 395%
YoY: ▲ 0.20| 6.7%

LN sau thuế
Q1/25
2.94
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 4.84| 255%
YoY: ▲ 0.37| 14.4%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
10.4%
YoY: +/-▲ 9.4%

ROE (TTM)
Q1/25
0.9%
YoY: +/-▲ 0.1%

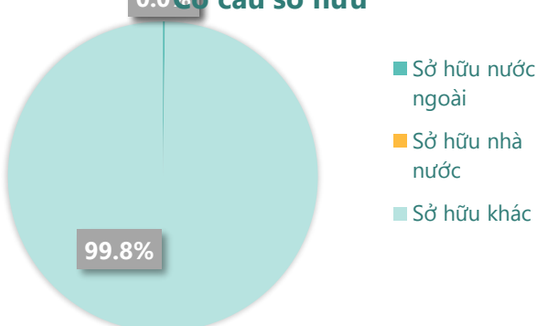
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,100 - 15,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	971
Số lượng CPLH (CP)	96,090,556
KLGD BQ 20 phiên (CP)	483,655
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	
EPS	100
P/E	100.6

DT thuần
2024
294
tỷ VNĐ
YoY: ▼79.0| -21.3%

LN thuần
2024
18.6
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.2| -61.8%

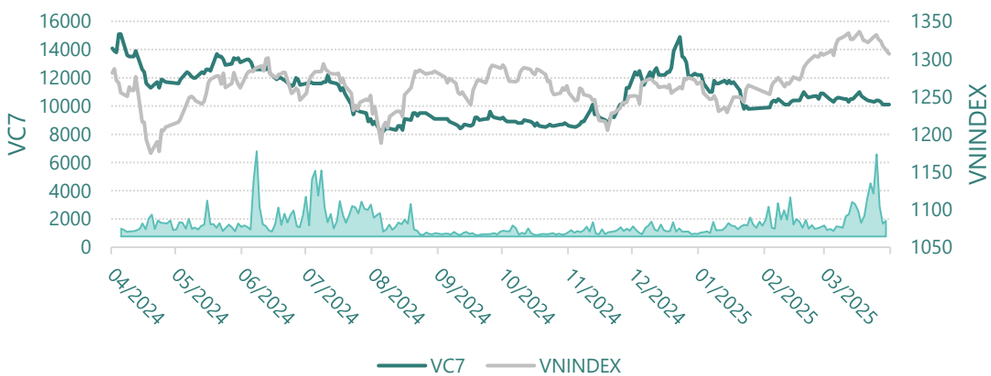
LN sau thuế
2024
15.1
tỷ VNĐ
YoY: ▼27.4| -64.5%

Cơ cấu sở hữu

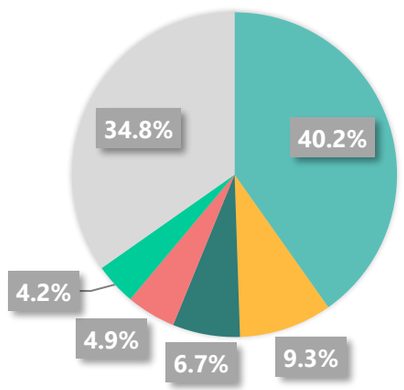


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



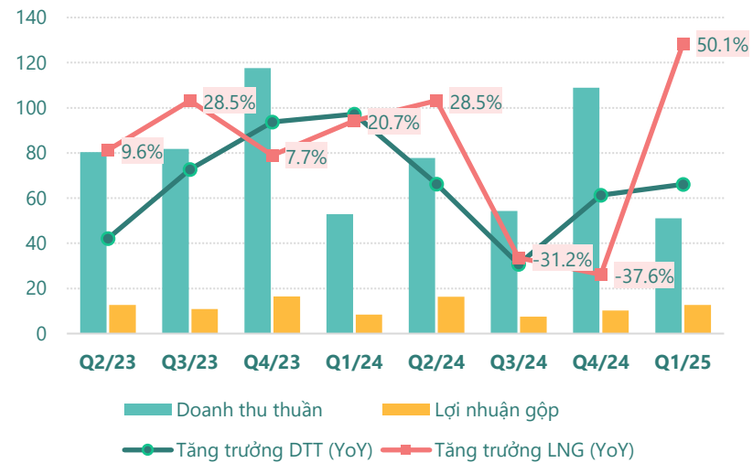
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

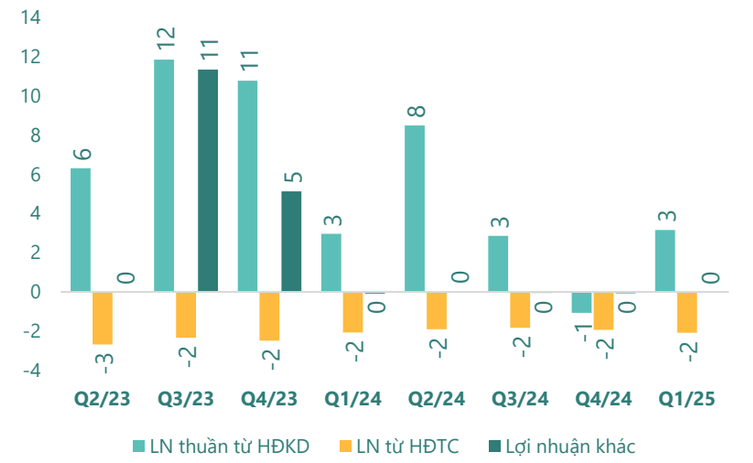
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



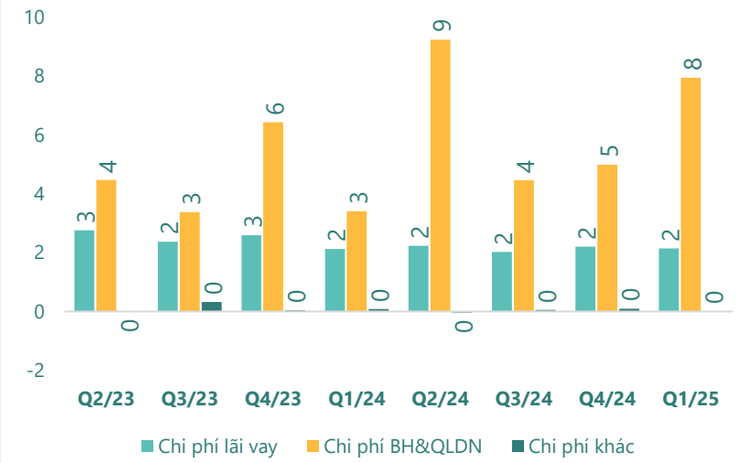
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



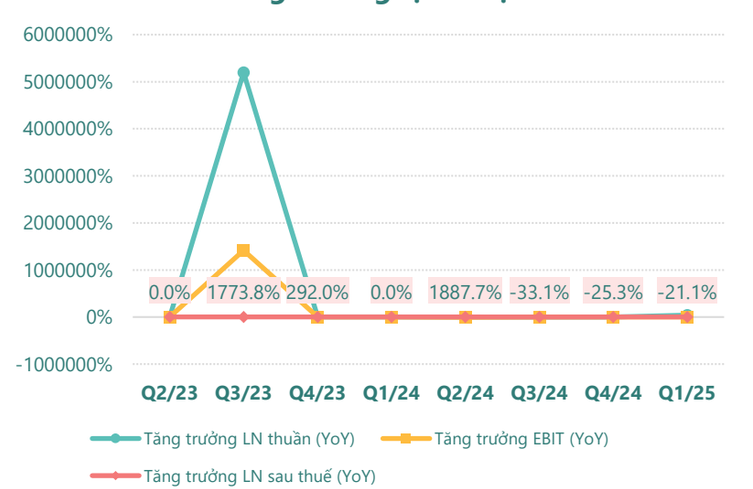
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



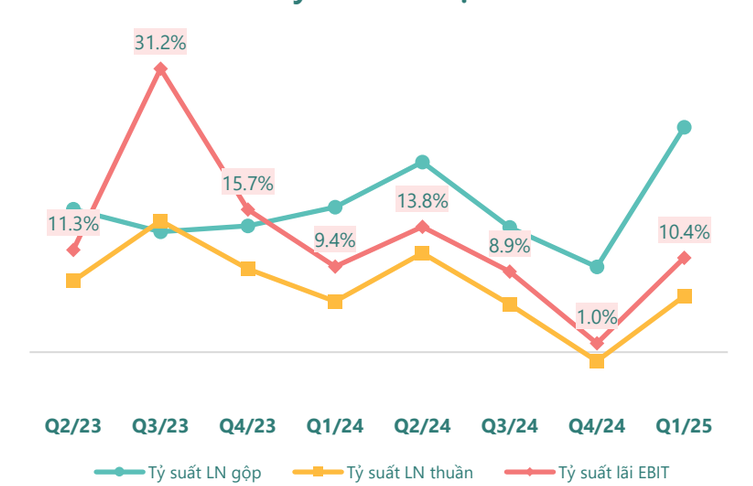
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



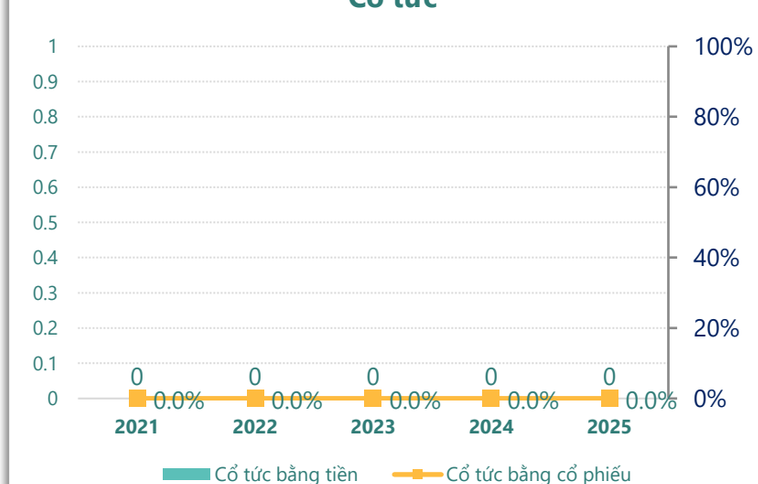
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

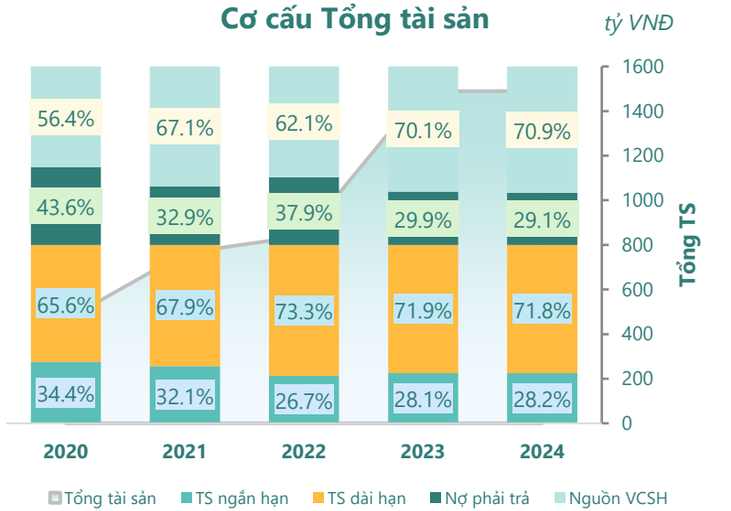
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

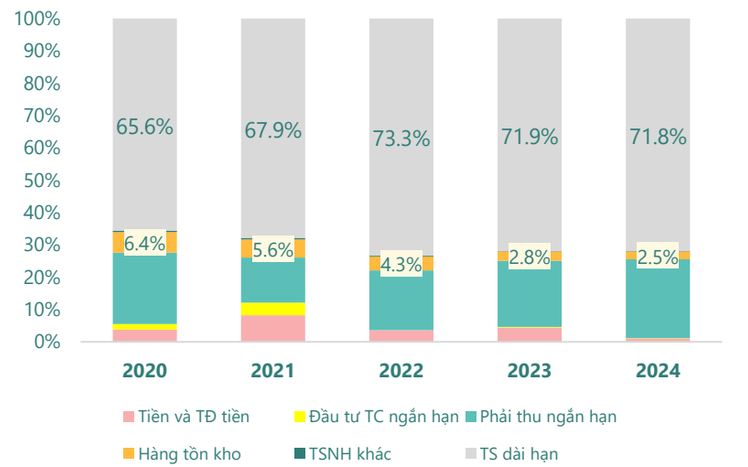
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



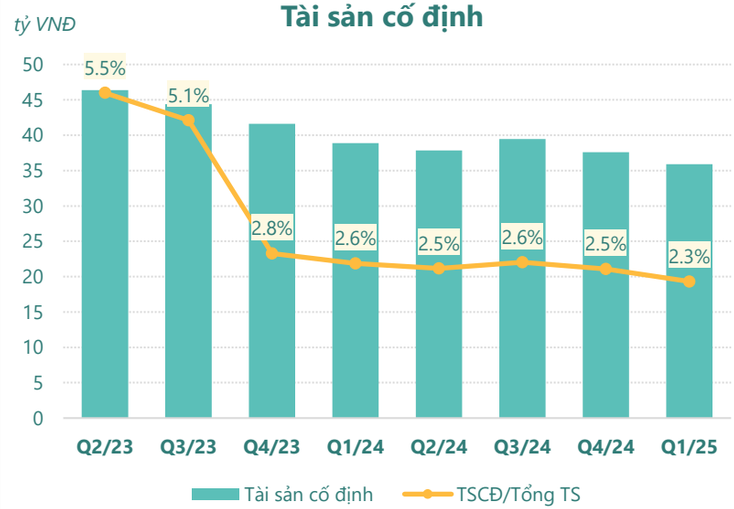
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



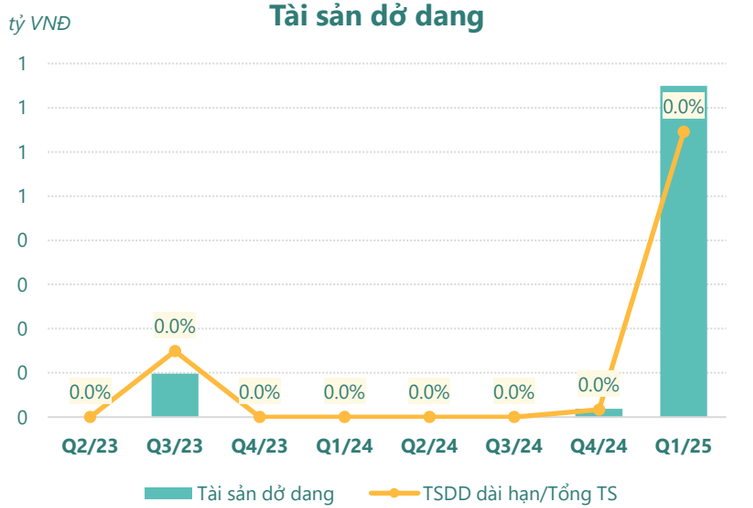
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



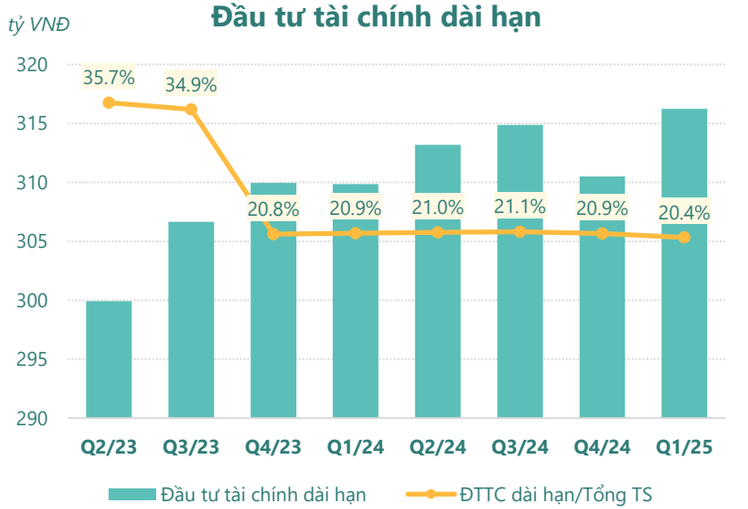
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



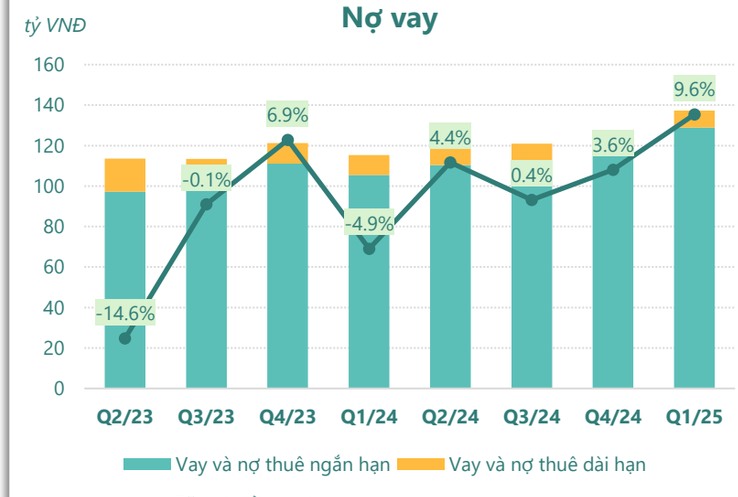
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

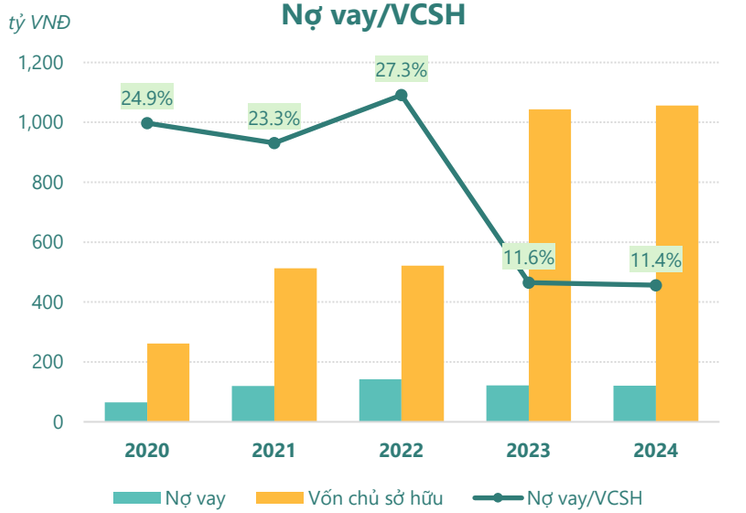
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

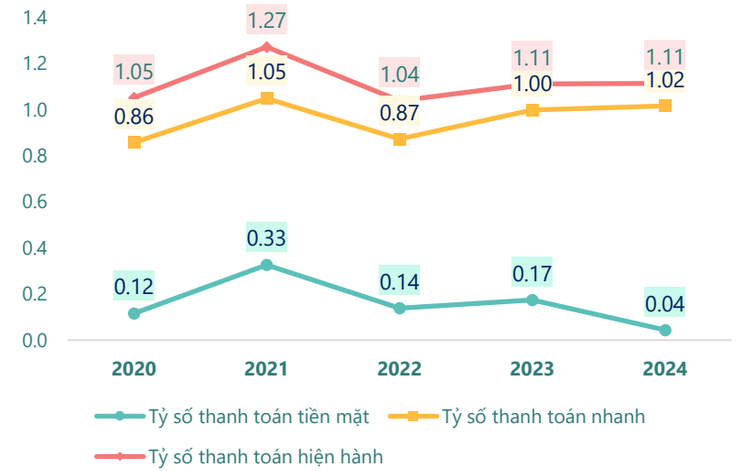
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



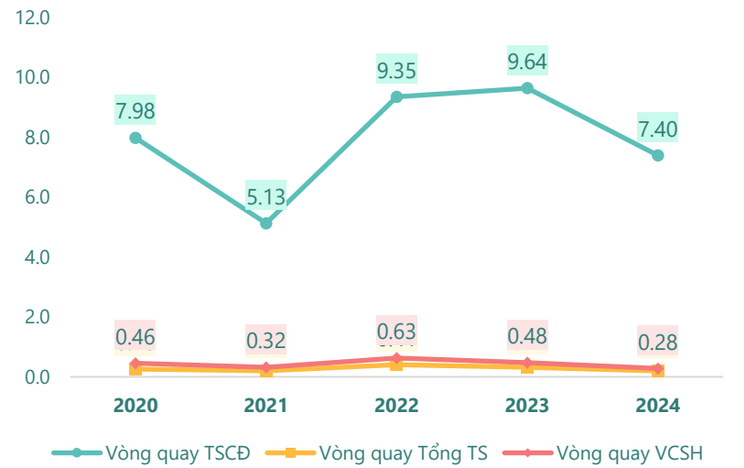
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



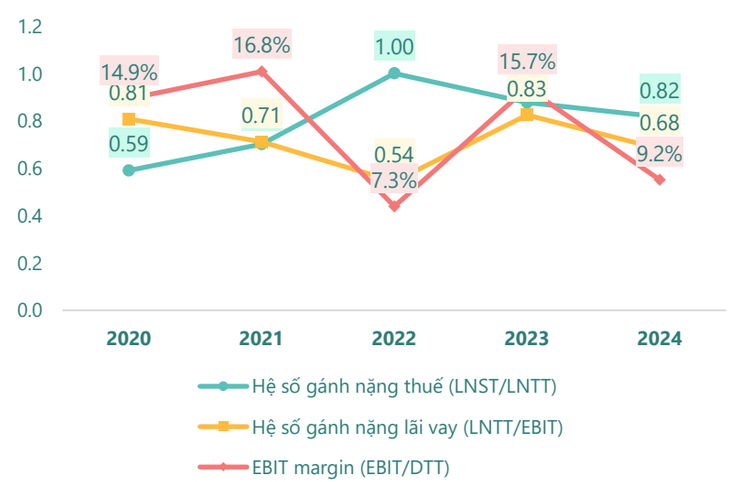
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



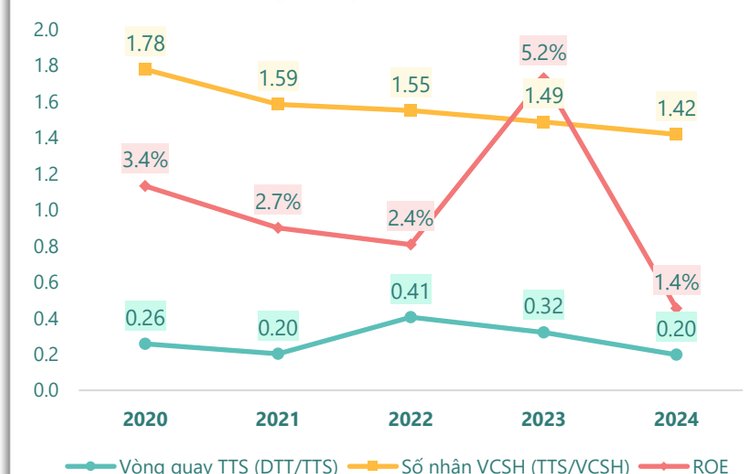
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



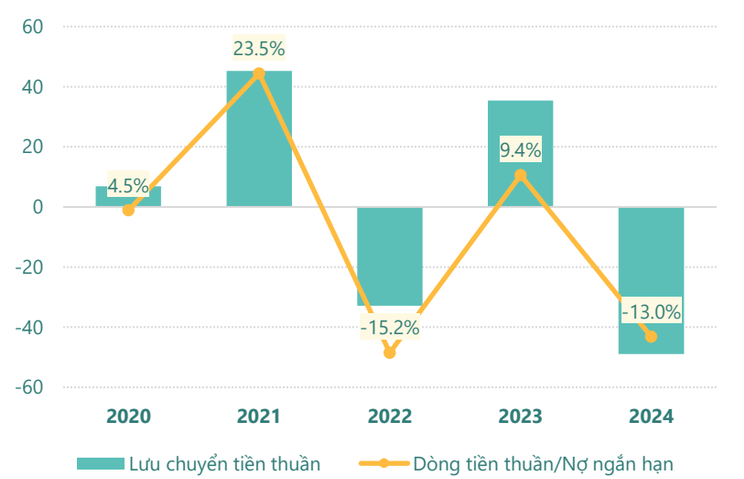
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**51.1**	**52.9**	**-3.3%**	**294**	**373**	**-21.3%**
Giá vốn hàng bán	38.5	44.4	-13.4%	250	302	-17.3%
Lợi nhuận gộp	12.7	8.45	50.0%	43.9	71.2	-38.3%
Doanh thu HĐTC	0.05	0.05	5.8%	0.83	0.29	185%
Chi phí TC	2.14	2.12	1.1%	8.58	10.2	-15.9%
Chi phí lãi vay	2.14	2.12	1.1%	8.58	10.2	-15.9%
LN trong công ty LKLD	**0.52**	**0.00**		**5.86**	**10.7**	**-45.2%**
Chi phí bán hàng	0.15	0.00		2.63	1.65	59.6%
Chi phí QLDN	**7.80**	**3.41**	**129%**	**20.8**	**21.5**	**-3.5%**
LN thuần từ HĐKD	3.16	2.96	6.7%	18.6	48.8	-61.8%
Lợi nhuận khác	**0.02**	**-0.09**	**122%**	**-0.17**	**-0.43**	**60.0%**
LN trước thuế	3.18	2.87	10.7%	18.5	48.4	-61.8%
Lợi nhuận sau thuế	**2.94**	**2.57**	**14.4%**	**15.1**	**42.5**	**-64.5%**
LNST của CĐ cty mẹ	**2.91**	**2.18**	**33.5%**	**14.3**	**40.6**	**-64.8%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-430	-54.3	11.0	0.16	-9.41	-11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-0.51	0.05	-7.40	-9.81	18.4	-0.51
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	491	-5.93	5.11	0.47	-0.80	4.83
Tiền đầu kỳ	4.61	65.5	5.25	14.0	4.82	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	**60.9**	**-60.2**	**8.75**	**-9.18**	**8.14**	**-6.91**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	65.5	5.25	14.0	4.82	13.0	9.65

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,548**	**1,490**	**3.9%**
Tài sản ngắn hạn	479	419	14.1%
Tiền và tương đương tiền	9.65	16.6	-41.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.48	0.48	0.0%
Phải thu ngắn hạn	405	363	11.3%
Hàng tồn kho	60.6	36.9	64.3%
Tài sản ngắn hạn khác	3.11	2.04	52.7%
Tài sản dài hạn	**1,069**	**1,070**	**-0.1%**
Phải thu dài hạn	680	680	0.0%
Tài sản cố định	35.9	37.8	-5.0%
Bất động sản đầu tư	36.0	36.6	-1.5%
Tài sản dở dang	0.75	0.02	3906%
Đầu tư tài chính dài hạn	316	316	0.2%
Tài sản dài hạn khác	**0.23**	**0.24**	**-3.2%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	489	434	12.7%
Nợ ngắn hạn	**432**	**376**	**14.7%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	129	112	15.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	55.0	65.9	-16.5%
Nợ dài hạn	57.4	57.6	-0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	8.43	8.64	-2.4%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,059**	**1,056**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**1,059**	**1,056**	**0.3%**
Vốn điều lệ	961	961	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)